

I.- ÔN LẠI CHUYỆN HÙNG VƯƠNG

Theo truyền thuyết, cháu ba đời vua Thần Nông (Trung Hoa) là Đế Minh, đi xuống phương nam tuấn tra, đến vùng Ngũ Lĩnh, kết hôn cùng tiên nữ, sinh ra Lạc Tộc. Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương bắc, và con thứ là Lạc Tộc làm vua phương Nam. Lạc Tộc xưng là Kinh Dương Vương năm 2879 trước Công nguyên (TCN), đời vua thứ hai là Xích Quỷ. Cũng theo truyền thuyết, nước Xích Quỷ chia thành hai nước Đàng Đình (Hải Nam, Trung Hoa) xuống tới miền Trung Việt Nam ngày nay theo hướng bắc nam, và Ba Thục (Tây Xuyên, Trung Hoa) ra tới bờ Thái Bình Dương theo hướng tây đông.

Kinh Dương Vương lập gia đình với con gái của Đế Nghi Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi vua cha, tức Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy con gái của Đế Lai tên là Âu Cơ, sinh ra được 100 người con trai. Lạc Long Quân bàn với Âu Cơ: "Ta là dòng dõi rồng, người là dòng dõi tiên, ăn và ở với nhau lâu không được. Nay chúng ta được trăm con, vậy người đem năm mươi con lên núi, còn ta đem năm mươi con xuống biển lập nghiệp."

Lạc Long Quân phong cho con trưởng làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương. Hùng Vương chia nước thành 15 bộ, đóng đô ở Phong Châu, và truyền đời 18 đời vua. Nguyên vua nước Thục (Ba Thục, Trung Hoa) có hôn với con gái của Hùng Vương, nên Hùng Vương không gả. Thục Vương tức giận căn dặn con cháu phải trở thù nước Văn Lang.

Nhân cơ hội Hùng Vương thọ 18 ham rượu chè, bê trễ việc quân, cháu của Thục Vương tên là Phán, đem quân tấn công Hùng Vương năm 258 TCN (quý Mão), chiếm được Văn Lang, chấm dứt triều đại Hùng Vương. Vua Hùng Vương thọ 18 ngày xuống giường từ trần. Nếu tính từ năm 2879 TCN đến năm 258 TCN, tức từ Kinh Dương Vương đến Hùng Vương thứ 18, có tất cả hai mươi đời vua và truyền trong 2621 năm, tính trung bình mỗi đời vua trên 130 năm.

II.- HOÀI NGHI VỀ CHUYỆN HÙNG VƯƠNG

Từ thế kỷ 18, nhiều sử gia đã tỏ ý nghi ngờ về Hùng Vương (Hùng Vương) không có thật, và cho rằng vào thế kỷ 15, sử gia Ngô Sĩ Liên đã đưa chuyện thần thoại hoang đường vào bộ chính sử Đại Việt sử ký toàn thư đời vua Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497).

Một trong những người đầu tiên lên tiếng nghi ngờ về tính xác thực của chuyện Hùng Vương là Ngô Thì Sĩ (1726-1780). Trong sách *Viết sách tiêu án* [Nêu lên những phán đoán và lịch sử những việc] là sách khảo sát phê bình các sách phả m cũ viết đến 1418, đã nhận xét rằng: “Lịch sử con toán mà không xem thì không đúng Kinh [Đông Kinh Văn], đến Hùng [Vương], 20 đời vua 2.622 năm, nhiều ít trừ đi bù lại, mới vua được 120 tuổi. Người ta không phải là vàng đá, sao lại sống lâu được như thế.” (1)

Cùng thời với Ngô Thì Sĩ là Lê Quý Đôn (1726-1784). Khi tra cứu về những danh dãi thời đến Hùng Vương, học giả này viết trong sách *Vân đài loại ngữ* như sau: “...Tôi xét đến Hùng Vương, trên núi đến Hạng Bàng, không có chuyện nghĩa gì truyền lại; và 15 bài đặt ra thời đó, cùng với các quởn huyển do nhà Hán, nhà Ngô [Trung Hoa] mới đặt ra, tên gọi lại không; tôi nghĩ rằng những tên đó do các học nhỏ góp nhặt vay mượn chép ra, khó mà tin được...” (2)

Người công khai lên tiếng đả kích truyện thuyết Hùng Vương chắc là chuyện “ma trâu thần rợ” là vua Tác (trở vì 1847-1883). Trong đời ngày 12-7 năm bính thìn (12-8-1856), Tác viết: “...Về Kinh Đông và Lạc Long mà Sĩ cũ đã chép, học có học không, dù có những không nên theo luận đến là học cũ, thế mà Sĩ cũ nhặt luận chép bằng chữ Hán, và trong chỗ chép ấy lại phẫn nhiếu mò mẫm những chuyện “ma trâu thần rợ”, những thuyết hoang đường quái đản, không hợp lý thế...” (3)

Vào đầu thế kỷ 20, sử gia Trần Trọng Kim nhận xét về chuyện Hùng Vương “không chắc là chuyện xác thực”. (4) Khi phiên dịch bộ *Đi viết sách ký toàn thư*, tác giả *Những truyện đời ra đời* bàn: “Nói cách khác, trong các sách cũ của ta không hề có chép chuyện họ Hạng Bàng cùng vua Thác. Hai chuyện đó là từ Ngô Sĩ Liên chép nói “đầu của, tại chỗ” mà chế tạo nên.” (5)

Trình bày những ý kiến trên đây để cho thấy rằng không phải ngày nay, với tinh thần khoa học, các bậc trí thức nghi ngờ tính xác thực của chuyện Hùng Vương mà thế kỷ 18 đã có nhiều nhà nghiên cứu trong nước phản bác chuyện Hùng Vương.

Với cách nhìn thế kỷ 21, khoa học, chắc chắn không ai có thể tin chuyện Hùng Vương là chuyện có thật. Tuy nhiên, để hiểu giá trị của truyện thuyết Hùng Vương, chúng ta nên quay về thời điểm xuất hiện truyện thuyết này.

III.- THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN CHUYỆN HÙNG VƯƠNG

1. THỜI ĐIỂM SƠ HẠC Bộ quác sß đầu tiên cßa nß ta là sách Đßi Vißt sß ký cßa Lê Văn Hßu. Sách nßy đß cß vißt xong năm 1272, không có chuyện Hùng Vương. Sau sách cßa Lê Văn Hßu là hai bß An Nam chí lßc cßa Lê Tßc (có thß soạn xong năm 1333), và Vißt sß lßc (xußt hißn khoßng 1377, không bißt tên tác giß), bßt đầu đß cßp sß lßc chuyện Hùng Vương. Tuy nhiên, nhßng hai bộ sß nßy mßt thßi bß mßt tích và chß đß cß phát hißn vß sau nßy mà thôi.

Dòng chính sß tß Lê Văn Hßu đß cß tißp nßi bßng bß Đßi Vißt sß ký tßc biên, do Phan Phù Tiên soạn theo lßnh cßa vua Lê Nhân Tông (trß vì 1443-1459). Bộ sách nßy nay thßt truyßn, nên không ai bißt Phan Phù Tiên có chép truyện thuyết Hùng Vương không?

Ngß i ta chß bißt chß cß truyện thuyết Hùng Vương đã đß cß Ngô Sĩ Liên đßa vào chính sß trong Đßi Vißt sß ký toàn thß, gßi tßt là Toàn thß, soạn xong năm 1479 dß i trißu đßi vua Lê Thánh Tông (trß vì 1460-1497), em cßa vua Lê Nhân Tông.

Trong giai đoßn tß Đßi Vißt sß ký cßa Lê Văn Hßu đßn Đßi Vißt sß ký toàn thß cßa Ngô Sĩ Liên, xußt hißn hai bß sách quan trßng:

Thß nhßt là Vißt đißn u linh tßp (Tßp chuyßn u linh ß Vißt đißn) là sách gßm nhßng câu chuyßn u linh, hoang đßng ß cß Vißt, đß cß cho là do Lý Tß Xuyên soạn xong năm 1329 dß i đßi vua Trßn Hißn Tông (trß vì 1329-1341). Sách gßm các chuyßn: Sĩ Nhißp, Phùng Hßng, Trißu Quang Phßc, Lý Phßt Tß, Hai Bà Trßng, Mß Ê, Lý Qußng, Lý Ông Trßng, Lý Thßng Kißt, Phßm Cß Lßng, Lê Phßng Hißu, Lý Phßc Man, Thßn núi Đßng Cß, Thßn Bßch Mã, Thßn núi Tßn Viên...

Thß hai là bß Lĩnh nam chí quái (Trích nhßng chuyßn quái đßn ß vùng phía Nam núi Ngũ Lĩnh), có thß do Trßn Thß Pháp soạn, khoßng vào đầu thß kß 15. Sách nßy "gßp nhßt nhßng chuyßn thßn tiên cß tích vß đßi Hßng Bßng, nhßng chuyßn Bßch trß (trß trßng), Kim quy (rùa vàng), Tân lang (trßu cau), Tây qua (dßa hßu), Bánh chßng, Phù Đßng thiên vßng, Lý Ông Trßng, Chß Đßng Tß, Hai Bà Trßng, Thßn Tßn Viên...Cß xem nhßng đß mßc ßy thì bißt quyßn nßy có liên lßc vß i tßp Vißt đißn u linh kß trên. Cß theo hai bài tßa nói trên thì nguyên quyßn nßy có 22 truyßn, nhßng ngß i đßi sau cß tßc thêm mßi vào, càng ngày càng nhißu."(6)

Mở đầu chuyện trong hai sách này và sau đó được ghi lại thành những câu chuyện của đời Hùng Vương. Phái dài dòng như trên để thấy rằng trước khi chính thức vào quác sá, chuyện Hùng Vương đã bằng bằng trong các truyện thuyết thần thoại (quái đá, u linh) của nác ta.

2. THáI ĐáI M TÂM LINH: Truyện thuyết Hùng Vương xuất hiện từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 15. Vì pháng diện tinh thần, ngái Việt tin rằng đời sống con ngái kéo dài sau khi chết, nghĩa là khi chết đi, chết có thể xác bỏ tiêu hủy, còn linh hồn vẫn sống quanh quẩn với ngái sống, nên ngái Việt luôn luôn thờ cúng tổ tiên.

Ngoài việc thờ cúng tổ tiên, vì khoa học chưa được tiến bộ, ngái Việt còn thờ cúng những sức mạnh thiên nhiên như thần sông, thần sét, thần núi, thần sông, thần cây... Khi hán hán, vua, quan, dân chúng lập đàn cầu mưa cho trời mưa. Khi lụt lội, nác sông tràn ngập, ngái ta cúng tế và cầu khi hy sinh một mạng ngái, quáng xuáng sông cho thần sông bớt giận. Khi bệnh tật, thay vì uống thuốc, ngái ta xin bùa phép để chữa bệnh.

Nhá thế, thời điểm xuất hiện truyện thuyết Hùng Vương (thế kỷ 15) là thời điểm mà ngái Việt còn rất tin tưởng vào thần linh và những năng lực siêu nhiên, nên chuyện thần thoại huyền nhiệm để làm cho ngái ta tin tưởng và cảm phục hơn cả sự thật.

Nói chung, ngày nay chúng ta gọi những hiện tượng này là mê tín dị đoan. Để biết, cho đến ngày nay (2009), nhiều ngái vẫn còn tin vào những chuyện bá xáp vào loại mê tín dị đoan, như bói toán, “ngái cám” (hiện rất phổ thông ở trong nác), và vẫn thích nghe cũng như cảm tin vào những chuyện truyền khẩu thần kỳ bên lề hán là sự thật. Nhá thế, trong các thế kỷ trước, những chuyện thần thoại, truyện thuyết, chắc chắn tác động rất lớn đến tâm lý quần chúng, và có khi còn tác động mạnh hơn cả sự thật lịch sử.

Đúng thế, dù theo khoa học thực nghiệm, có một thế giới không thể nhìn thấy, như vào niềm tin tâm linh, dù là mê tín dị đoan (như cầu khán, uống nác phép...), con ngái khi vượt thoát được bệnh tật hay những hoàn cảnh khó khăn tưởng chừng như không vượt qua được.

Vì vậy, truyện thuyết Hùng Vương, dù có tính cách thần thoại, từ khi chính thức mở đầu quác thi trong đời Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên, xuất hiện vào thế kỷ 15, chắc chắn đã tác động mạnh mẽ trên tâm lý quần chúng, trở thành niềm tin và niềm tự hào dân tộc và quác thi

thiên liêng của tất quä kính yêu.

IV.- TäI SAO TRUYäN THUYäT HäNG VäNG?

Trong thời điäm con người ít hiäu biết về khoa học, rất tin tưởng vào những mãnh lực thần bí, siêu nhiên thì truyện thuyết Hùng Vương về những chuyện thần thoäi dân gian, từ các sách Văn điän u linh tập, Lĩnh nam chích quái, bước vào quäc sử, là chuyện có thể hiäu được, những có lẽ cũng cần phải chú ý thêm đến một nhu cầu chính trị cần phải có của triều đại Lê Thánh Tông. Đó là nhu cầu xây dựng truyện thần thoại quäc gia (quäc thoại) cho một nước Đại Việt độc lập hùng mạnh.

1.- XÂY DỰNG QUäC THäNG: Khi mới lập quốc, trên địa bàn nước Việt, có nhiều bộ tộc và nhiều sắc dân khác nhau sinh sống. Theo truyện thuyết Hùng Vương thì có tất cả 15 bộ tộc. Những nghiên cứu nhân chủng học cho thấy bên cạnh các sắc dân bản địa, còn có những sắc dân từ các nơi xa xôi tràn vào, và những người từ các xã hội phương bắc (Trung Hoa) tiến xuống. Mỗi bộ tộc hay sắc dân lại có một sáng tạo riêng, một tập tục riêng, một ngôn ngữ riêng. (Người Kinh, người Hoa, người Tày, người Nùng, người Thái, người Mường...)

Các bộ tộc hay sắc dân trên cùng địa bàn cũ Việt đã kết hợp vì quyän lợi chung của dân chúng bản địa, chống lại người Trung Hoa tiếp tục xâm lăng, cùng nhau tranh đấu giành độc lập. Cuộc tranh đấu nội chiến được sách ghi lại từ đầu tiên vào năm 40 do Hai Bà Trưng & Mê Linh lãnh đạo. Lực lượng bản địa càng ngày càng mạnh và cuối cùng thành công với Ngô Quyền năm 938. Ngô Quyền chính thức xưng vương năm 939.

Từ đó, hình thành một nước độc lập mới mà về sau Đinh Bộ Lĩnh (từ 968-979) đặt tên là Đại Cä Việt năm 968. Khi đặt nước được xưng vương, Lý Thánh Tông (từ 1054-1072) đặt tên thành Đại Việt năm 1054. Nhà Minh xâm lăng Đại Việt năm 1407. Lê Lợi chỉ huy kháng quân Minh sau 20 năm kháng chiến, và lập ra triều đại nhà Lê năm 1428. Nhà Lê tái xây dựng đất nước, nhất là phát huy nền văn hóa nước nhà. Dưới đời Lê Thánh Tông, nước Đại Việt trở nên hùng cường, trung tâm quyän lực chính trị, pháp luật quyä , kinh tế phát triển, quân đội tinh nhuä.

Đä làm nên tình thần cho quäc gia Đại Việt độc lập và hùng cường, cần phải xây dựng quäc thoại, là một sự chung cho đời sống tinh thần và tâm linh của tất cả các sắc dân người

Việt cùng sinh sống trong lãnh thổ Đäi Viät. Truyền thuyết Hùng Vương xuất hiện trong bối cảnh Ngô Sĩ Liên däi triäu đäi Lê Thánh Tông nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và tâm linh näy.

Đä cho những bä tộc hay säc dân cäa Đäi Viät cùng ngäi läi väi nhau đäi mät mái nhà chung, trong mät đät näc chung thì cän phäi xây dựng mät tuyän thäng quäc gia chung (quäc thäng) chung, mät thuä tä chung. Tä đó, huyền thoại Hùng Vương, vä thuä tä chung đäc hình thành đä đoàn kết các säc täc väi nhau, qua hình täng mät mä sinh trăm träng, nä ra trăm con.

Huyền thoại chia 50 con xuống biển, 50 con lên rừng là đäc tính cäng sinh cäa ngäi Viät. Dù räng hay bä biển, dù thuäc nhiäu bä tộc khác nhau, theo những tập tục khác nhau, trên đät Viät mäi ngäi là anh em tä cùng mät bäc träng, luôn luôn cùng sống väi nhau mät cách hòa bình trong đäi gia đình dân täc. Vän xuất phát từ bäc träng trăm con, väi nhiäu bä tộc khác nhau, nên ngäi Viät cũng dä dàng nhän thêm nhiäu säc dân khác gia nhập đäi gia đình dân täc Viät, nhäng ngäi Trung Hoa, ngäi Chiêm Thành (Cham), ngäi Chân Lạp (Cambodia).

Ngoài ra, huyền thoại Hùng Vương còn kiän täo niäm tin tinh thần và tâm linh väng mänh vào truyền thống cao cä và anh hùng cäa dân täc đä mäi ngäi häng hái hy sinh bäo vä và xây dựng đät näc. Nhä thế, niäm tin vào huyền thoại Hùng Vương täo cho dân täc chúng ta mät säc mänh “Phù Đäng” thän kä, đä vän vai hùng cä mät cäi phäng nam cho đän ngày nay.

2. GIäi THÍCH Sä CHUYän TIäp GIäa Mäu Hä VÀ PHä Hä : Mät điäm cän chú ý là vào thời cä sä, cho đän cä thäi Hai Bà Trưng (40-43), và có thä cho đän thäi Bà Triệu (248), xã häi cä Việt theo mäu hä (matriliney) và có thä theo cä mäu quyän (matriarchy), trong đó ngäi đàn bà làm chủ gia đình và cä xã häi näa.

Vä Hai Bà Trưng, các täng lãnh đäi quyän Hai Bà häu hät đäu là phä nä. Theo truyền thuyết tä bä sä thì Đäi Nam quäc sä đän ca cäa Phạm Đình Toái và Lê Ngô Cát đäi thäi vua Tä Đäc (trä vä 1848-1883), chäng Bà Trưng bä Tô Đänh giät, nên bà mäi näi lên chäng Tô Đänh, trä thù chäng, đän nä näc.

Thät sä khi Bà Trưng khäi nghĩa, chäng bà vän còn sống. Sau khi thät bäi năm 42, hai vä chäng Bà Trưng trän vào Cäm Khê, räi bä bät giät năm 43. Tác giä K. W. Taylor (ngäi Hoa Kä), trong sách The Birth of Vietnam [Việt Nam khai sinh], cho räng chäng Bà Trưng bä khai tä trong khi ông vän còn sống và cùng vä khäi nghĩa, vì thành kiän träng nam cäa các nhà viät sä

ngßi Vi&#t vào nh&ng th& k& sau th& i Hai Bà Tr&ng. Nh&ng s& gia n&y không th& ch&p nh&n chuy&n m&t ngßi ph& n& lãnh đ&o cu&c kh& i nghĩa và tr& thành vua trong khi ông ch&ng v&n còn s&ng, nên h& khai t& ông ch&ng, và gi& i thích r&ng Tô Đ&nh đã gi&t ch&ng Bà Tr&ng.(7)

Khi kh& i nghĩa vào năm 248 (m&u thìn), bà Tr&u Th& Trinh (Tr&u u u) n&i lên cùng m&t l&n v& i anh là Tr&u Qu&c Đ&t, nh&ng t& i sao ông anh không lãnh đ&o mà l&i đ& cho ngßi em gái c&m đ&u? Đ&i u n&y ch&ng t& lúc đ& ngßi ph& n& v&n còn &nh h&ng m&nh m& trong xã h&i h&n là ngßi đàn ông.

Giáo s& Nguy&n Ng&c Huy, trong sách Qu&c tri&u hình l&t cho r&ng m&t trong nh&ng thay đ&i mà s& đ& h& c&a ngßi Trung Hoa đã mang đ&n cho dân Vi&t là ch& đ& ph& h&. "V& m&t phong t&c, ngßi Vi&t đã t& ch& đ& m&u h& b&&c sang ch& đ& ph& h&. Cùng v&i vi&c làm l& c&&i h&i theo l&i Trung Hoa, ngßi Vi&t đã có h& và theo h& c&a ngßi cha. H&u h&t các h& mà ngßi Vi&t Nam còn dùng đ&n ngày nay đ&u là nh&ng h& c&a ngßi Trung Hoa, nh&ng đ&c tr& i theo ti&ng Hán Vi&t. Vi&c k& th&a và lãnh đ&o thì chuy&n t& con gái sang con trai theo m&t đi&n trình dài đ&c. Sau cu&c kh& i nghĩa c&a Hai Bà Tr&ng năm 39 thì đ&n Bà Tr&u đ&ng lên lãnh đ&o cu&c tranh đ&u ch&ng ngßi Trung Hoa năm 248. Nh&ng t& đ& tr& đi, các cu&c v&n đ&ng đ&c l&p đ&u do ngßi đàn ông Vi&t c&m đ&u. V&y ta có th& b&o r&ng cho đ&n lúc Bà Tr&u đ&y binh, xã h&i Vi&t h&y còn ít nhi&u tính cách m&u h&, nh&ng sau đ& thì hoàn toàn chuy&n qua ph& h&."(8)

Sau th& i gian dài b& Trung Hoa đ& h&, xã h&i c& Vi&t chuy&n đ&i theo t&p t&c Trung Hoa, t& b& m&u h& và có th& c& m&u quy&n n&a, đ& chuy&n theo ph& h& (patriline) và ph& quy&n (patriarchy). Vào th& k& 15, ch& đ& ph& h& và ph& quy&n tr& nên th&nh hành cùng v&i s& l&n m&nh c&a ch& đ& quân ch& đ&&i th& i Lê Thánh Tông. Ph& i chẳng s& gia Ngô Sĩ Liên đã thêm ph&n Hùng V&ng, nh&m t&o ra m&t gia ph& ph& h& ph& quy&n ngay t& đ&u khi dân Vi&t m&i l&p qu&c, cho h&p v&i tinh th&n tôn tr&ng nam quy&n tuy&t đ&i c&a ch& đ& quân ch& th& i ông?

Vi&c các s& gia t& Ngô Sĩ Liên tr& v& sau chép r&ng vua L&c Long Quân nói v&i bà Âu C&: "Ta là dòng dõi r&ng, ngßi là dòng dõi tiên, ăn & v&i nhau lâu không đ&&c. Nay chúng ta đ&&c m&t trăm con, v&y ngßi đem năm m&&i con lên núi, còn ta đem năm m&&i con xu&ng bi&n l&p nghi&p", đã chính th&c xác l&p vai v& c&a ngßi đàn ông trong gia đ&nh và ngoài xã h&i, đ&ng th& i còn gi& i thích giai đ&nh chuy&n ti&p t& m&u h& và m&u quy&n sang ph& h& và ph& quy&n.

Có nh& th& m&i gi& i thích h&p lý cho vi&c trong cùng m&t n&&c Vi&t, có nh&ng ngßi s&ng & đ&ng b&ng duyên h&i theo ph& h&, trong khi v&n có nh&ng ngßi mi&n núi và cao nguyên nh&

ng&#i M&ng gi& m&u h&. (Xin đừng quên rằng vua Lê Thánh Tông g&c ng&#i M&ng & Thanh Hóa.). Nhưng ng&#i & đừng bỏ ng theo ph& h& chính là con cháu L&c Long Quân và nh&ng ng&#i & mi&n núi theo m&u h& là h&u du& c&a bà Âu C&.

K&T LU&N

Tóm l&i, xét theo tiêu chu&n khoa h&c th&c nghi&m ngày nay, truyện thuy&t Hùng Vương có tính cách th&n tho&i, thi&u nh&ng ch&ng lý xác th&c đ& đ& c xem là quá kh& th&t s& c&a dân t&c. Tuy nhiên, trong đ&i s&ng tinh th&n c&a ng&#i Vi&t, truyện thuy&t Hùng Vương xu&t hi&n t& th& k& 15 đã đóng m&t vai trò h&t s&c quan tr&ng.

Huy&n tho&i Hùng Vương là n&n t&ng tâm linh thi&t y&u làm đi&m t&a tinh th&n cho toàn dân tin t&ng vào n&n t&ng c&a qu&c gia. Ngay c& g&n đây c&ng s&n Vi&t Nam duy v&t vô th&n, đ& kích mê tín d& đoan, nh&ng cũng ph&i c&u vi&n đ&n Hùng Vương, ki&m cách v&n đ&ng t&i đa huy&n tho&i Hùng Vương, v&i nh&ng câu chuy&n nh& Thánh Gióng (Phù Đ&ng Thiên Vương), đ& tuyên truyện hô hào qu&n chúng tham gia chi&n đ&u theo đ&ng l&i m& dân c&a c&ng s&n.

Huy&n tho&i là nh&ng câu chuy&n có tính cách t&ng t&ng, "đ& c trình bày nh& th& đã th&c s& x&y ra & m&t th&i đ&i tr& c đ& gi&i thích nh&ng truyện th&ng có tính cách vũ tr& lu&n và siêu nhiên c&a m&t dân t&c, nh&ng v& th&n linh, nh&ng anh hùng, nh&ng đ&c đi&m văn hóa và tín ng&ng c&a h&. M&c đích c&a huy&n tho&i là đ& gi&i thích s& sáng t&o con ng&#i, loài v&t, đ&a lý, các hi&n t&ng t& nhiên, cũng nh& nh&ng nghi& l& trên n&n t&ng tôn giáo."(9)

Trong l&ch s& n& c ta, huy&n tho&i Hùng Vương là m&u s& chung cho t&t c& dân Vi&t, th& hi&n b&n s&c và qu&c th&ng dân t&c Vi&t. Đó là ch& tr&ng s&ng đoàn k&t, s&ng hài hòa gi&a m&i ng&#i dù có s& khác bi&t v& b& t&c, t&p quán, tín ng&ng, m&u h& hay ph& h&, trong tinh th&n c&ng sinh, nh&ng luôn luôn gi& v&ng ý chí đ&c l&p b&t khu&t, c&ng quy&t ch&ng ngo&i xâm.

V&y huy&n tho&i Hùng Vương, ho&c huy&n tho&i "con r&ng cháu tiên", dù đi xa s& th&t l&ch s&, v&n luôn luôn r&t c&n thi&t đ& nuôi d&ng tinh th&n đoàn k&t dân t&c, ni&m t& hào Vi&t Nam. M&t dân t&c không có ni&m t& hào thì không th& đ&ng v&ng đ&c. Chính nh& vào ni&m t& hào n&y mà bi&t bao nhiêu th& h& t& tiên chúng ta đã hy sinh tranh đ&u đ& đ&t n& c chúng ta đ&c t&n t&i cho đ&n ngày nay.

Vấn đề là người Việt chúng ta ngày nay phải làm gì để xứng đáng với huy hiệu thiêng liêng, với niềm tự hào dân tộc, với công lao của tiền nhân đã dày công xây dựng đất nước chúng ta?

CHÚ THÍCH

1-Ngô Thái Sĩ, Việt sử tiêu án, bản dịch của Hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu, Sài Gòn; Nxb. Văn Sĩ, San Jose tái bản, 1991, tr. 16.

2-Lê Quý Đôn, Vân đài loại ngữ, bản dịch của Phạm Vũ và Lê Hián, Tủ Lác tái bản không đổi năm, Hoa Kỳ, tr. 167.

3-Quốc sử quán triều Nguyễn, Việt sử thông giám cương mục, bản dịch Nxb. Văn Sĩ Đáa, Hà Nội 1957, tr. 20.

4-Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Sài Gòn: Nxb Tân Việt, in lần thứ 7, 1964, tr. 25.

5-Ngô Sĩ Liên và các sách thời Lê, Đái Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ, bản dịch của Mạc Báo Thán Nháng Táng, dịch năm 1944, Đái Nam, Glendale, California, tái bản, không đổi năm, tt. 51-52.

6-Dáng Quáng Hàm, Việt Nam văn học sử yếu, Sài Gòn: Bá Quốc Gia Giáo Dác, 1960, in lần thứ bảy, tr. 244.

7-K. W. Taylor, The Birth of Vietnam [Việt Nam khai sinh], University of California Press, 1983, tt. 38-39.

8-Nguyán Ngác Huy, Quác triáu hình luát, phiên âm, dách nghĩa và chú thích, quyán A, Viet Publisher, [không đán i xuát bán], 1989, tr. 19.

9-Maria Leach & Jerome Fried [biên táp] và mát nhóm tác giá, Funk & Wagnalls Standard Dictionary of Folklore, Mythology, and Legend, San Francisco: Harper, 1984, tr, 778. (Phán đánh nghĩa náy do Ermine W. Voegelin viát.)